Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 22.05.2023 09:29

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định về thực hiện giá bán điện

Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018;

2. Thông tư số 06/2021/TT-BCT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021;

3. Thông tư số 09/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 69/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân;

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về thực hiện giá bán điện. [1]

---

[1] Thông tư số 25/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân;

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,"

Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

Căn cứ Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,"

Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm đối tượng khách hàng sử dụng điện và giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện (các mức giá bán điện cụ thể được quy định tại Quyết định quy định về giá bán điện do Bộ Công Thương ban hành).

2. Thông tư này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân mua bán điện từ hệ thống điện quốc gia tại khu vực nối lưới điện quốc gia; tại nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giá bán buôn điện* là giá bán điện do Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực hoặc đơn vị được ủy quyền thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho đơn vị bán lẻ điện.

2. *Định mức sử dụng điện sinh hoạt* là mức sử dụng điện của từng bậc quy định tại mục 4.1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện (sau đây gọi tắt là định mức).

3. [2] *Thông tin về cư trú* là thông tin được xác định theo quy định tại Luật Cư trú và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Cư trú.

Điều 3. Áp dụng giá bán điện

1. Giá bán điện phải áp dụng theo đúng đối tượng và mục đích sử dụng điện theo quy định tại Thông tư này.

Bên mua điện có trách nhiệm kê khai đúng mục đích sử dụng điện để tính giá bán điện theo quy định của Thông tư này.

Trường hợp có thay đổi mục đích sử dụng điện làm thay đổi giá áp dụng, bên mua điện phải thông báo cho bên bán điện trước 15 ngày để điều chỉnh việc áp giá trong hợp đồng theo đúng mục đích sử dụng. Bên bán điện phải kiểm tra và kịp thời áp dụng giá bán điện theo đúng đối tượng quy định.

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực;"

[2] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

Trường hợp áp dụng giá sai mục đích sử dụng điện gây thiệt hại cho bên mua hoặc bên bán điện, phải tiến hành truy thu hoặc thoái hoàn tiền điện. Trường hợp không xác định rõ thời điểm áp dụng sai giá thì được tính với thời gian là 12 tháng kể từ thời điểm phát hiện trở về trước.

2. Trường hợp bên mua điện sử dụng điện cho nhiều mục đích khác nhau:

a) Đối với khách hàng ký hợp đồng sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt sau một công tơ nhưng có sử dụng một phần cho các mục đích khác (sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) thì áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt cho toàn bộ sản lượng điện năng đo đếm được tại công tơ đó;

b) Đối với khách hàng ký hợp đồng sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt sau một công tơ thì hai bên mua, bán điện căn cứ theo tình hình sử dụng điện thực tế để thỏa thuận tỷ lệ điện sử dụng cho mỗi loại mục đích.

c) [3] Đối với khu đô thị, chung cư cao tầng, chủ đầu tư đã bàn giao nhà cho khách hàng nhưng chưa làm thủ tục thanh quyết toán tài sản để bàn giao lưới điện cho ngành điện quản lý: Trong thời gian chờ bàn giao lưới điện và khách hàng sử dụng điện, hai bên mua, bán điện căn cứ theo tình hình sử dụng điện thực tế để thỏa thuận tỷ lệ sản lượng điện áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt và sản lượng điện áp dụng giá bán lẻ điện cho các mục đích ngoài mục đích sinh hoạt (sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp) làm cơ sở áp dụng giá bán điện. Đối với điện năng sử dụng cho mục đích sinh hoạt, áp dụng giá bán điện theo nguyên tắc định mức chung của bên mua điện bằng định mức của từng bậc nhân với số hộ sử dụng điện sinh hoạt (căn cứ theo mục đích sử dụng điện thực tế, hợp đồng mua bán nhà, biên bản bàn giao căn hộ, Thông tin về cư trú của hộ gia đình tại địa điểm sử dụng điện).

3. Trong ngày thay đổi giá điện theo quy định tại Quyết định về biểu giá bán điện được Bộ Công Thương ban hành, bên bán điện phải chốt chỉ số của toàn bộ công tơ đang vận hành trên lưới, trừ các công tơ bán lẻ điện sinh hoạt.

Việc chốt chỉ số của các công tơ ba giá, công tơ trạm chuyên dùng, công tơ tổng bán buôn điện phải có xác nhận của đại diện khách hàng hoặc người làm chứng hoặc theo phương thức do hai bên thỏa thuận.

Điều 4. Giá bán điện theo cấp điện áp

1. Đối tượng áp dụng giá bán điện theo cấp điện áp bao gồm:

---

[3] Điểm này đã được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018; nay được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023

a) Khách hàng sử dụng điện cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hành chính sự nghiệp;

b) [4] Đơn vị bán lẻ điện tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

2. Hệ thống đo đếm điện đặt ở cấp điện áp nào thì giá bán điện được tính theo giá quy định tại cấp điện áp đó.

Điều 5. Giá bán điện theo thời gian sử dụng trong ngày

1. Thời gian sử dụng điện trong ngày được quy định như sau:

a) Giờ bình thường:

- Gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy

+ Từ 04h00 đến 09h30 *(5 giờ và 30 phút);*

+ Từ 11h30 đến 17h00 *(5 giờ và 30 phút);*

+ Từ 20h00 đến 22h00 *(2 giờ).*

- Ngày Chủ nhật

Từ 04h00 đến 22h00 *(18 giờ).*

b) Giờ cao điểm

- Gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy

+ Từ 09h30 đến 11h30 *(2 giờ);*

+ Từ 17h00 đến 20h00 *(3 giờ).*

- Ngày Chủ nhật: không có giờ cao điểm.

c) Giờ thấp điểm

Tất cả các ngày trong tuần: từ 22h00 đến 04h00 sáng ngày hôm sau *(6 giờ).*

2. Đối tượng áp dụng giá bán điện theo thời gian sử dụng điện trong ngày (sau đây gọi là hình thức ba giá) gồm:

a) Bên mua điện sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp điện qua máy biến áp chuyên dùng từ 25 kVA trở lên hoặc có sản lượng điện sử dụng trung bình ba tháng liên tục từ 2.000 kWh/tháng trở lên;

b) [5] Đơn vị bán lẻ điện tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

c) Đơn vị mua điện để bán lẻ điện ngoài mục đích sinh hoạt tại tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt;

---

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021.

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021

Khuyến khích mua điện theo hình thức ba giá đối với bên mua điện sử dụng điện vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có máy biến áp hoặc sản lượng điện [6] sử dụng dưới mức quy định tại Điểm a Khoản này. Bên bán điện có trách nhiệm tạo điều kiện, hướng dẫn để bên mua điện được lắp công tơ ba giá.

3. Bên bán điện phải chuẩn bị đủ công tơ đo đếm điện để lắp đặt cho bên mua điện thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá. Trong thời gian bên bán điện chưa có điều kiện lắp đặt được công tơ ba giá thì áp dụng giá bán điện theo giờ bình thường.

4. Trường hợp bên bán điện có đủ điều kiện lắp đặt công tơ ba giá, đã có thông báo trước bằng văn bản cho bên mua điện thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng hình thức ba giá về kế hoạch lắp đặt công tơ ba giá, bên mua điện phải phối hợp với bên bán điện để thực hiện việc lắp đặt công tơ ba giá trong thời gian sớm nhất.

Trường hợp bên mua điện thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng hình thức ba giá nhưng từ chối thực hiện việc lắp đặt công tơ ba giá khi đã được bên bán điện thông báo hai lần (có xác nhận của đại diện khách hàng và thời gian tối thiểu giữa hai lần thông báo là 10 ngày) thì sau 15 ngày kể từ ngày thông báo cuối cùng, Bên bán điện được áp dụng giá bán điện giờ cao điểm cho toàn bộ sản lượng điện tiêu thụ của bên mua điện cho đến khi lắp đặt công tơ ba giá.

5. Trường hợp bên mua điện thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá, nhưng có các tổ chức, cá nhân dùng chung công tơ không thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá, bên mua điện phải phối hợp với bên bán điện để tách riêng công tơ cho các tổ chức, cá nhân này thành khách hàng sử dụng riêng để ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp và áp giá theo đúng đối tượng sử dụng.

6. Trường hợp bên mua điện sử dụng điện cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá quy định tại khoản 2 Điều này thì áp dụng giá bán điện theo giờ bình thường.

Điều 6.[7] Nguyên tắc xác định giá bán buôn điện và điều kiện áp dụng giá bán buôn điện

1a. [8] Nguyên tắc xác định giá bán buôn điện

---

[6] Cụm từ "máy biến áp và sản lượng điện" được thay bằng cụm từ: "máy biến áp hoặc sản lượng điện" theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021.

[7] Tên Điều 6 được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018.

[8] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018.

Khi điều chỉnh giá bán lẻ điện thì giá bán buôn điện cho các đơn vị bán lẻ điện được điều chỉnh trên cơ sở mức trừ lùi giá bán buôn điện hiện hành nhân với mức tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) kế hoạch do Quốc hội ban hành tại năm điều chỉnh giá bán lẻ điện. Đối với các đối tượng mua buôn điện mới chưa xác định được mức trừ lùi giá bán buôn điện hiện hành, Bộ Công Thương hướng dẫn xác định mức trừ lùi giá bán buôn điện cụ thể.

1. Đơn vị bán lẻ điện tại khu vực nông thôn, khu tập thể, cụm dân cư, tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt, chợ, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây [9]:

a) Có Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ điện được cơ quan có thẩm quyền cấp, trừ các trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 34 Luật Điện lực;

b) Có sổ sách kế toán theo quy định, trong đó phần kinh doanh bán lẻ điện phải được hạch toán tách biệt với các hoạt động kinh doanh khác;

c) Có hợp đồng mua bán điện và công tơ đo đếm điện lắp đặt cho từng hộ sử dụng điện theo quy định tại Điều 24 Luật Điện lực và Khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

d) Có phát hành hoá đơn tiền điện theo quy định của Bộ Tài chính cho từng khách hàng sử dụng điện theo từng kỳ thanh toán được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

2. Đối với đơn vị bán lẻ điện không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng công ty điện lực hoặc các Công ty điện lực trực thuộc có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương trình Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định để bàn giao lưới điện thuộc phạm vi quản lý của đơn vị này cho Tổng công ty điện lực hoặc các Công ty điện lực trực thuộc để bán điện trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện.

Chương II
GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN

Điều 7. Giá bán lẻ điện cho sản xuất

Giá bán lẻ điện cho sản xuất áp dụng đối với bên mua điện sử dụng vào sản xuất thuộc các ngành sau:

1. Công nghiệp.

2. Xây dựng; giao thông vận tải; khai thác mỏ; lâm nghiệp; thuỷ hải sản.

3. Nông nghiệp: trồng trọt; bơm nước tưới tiêu; chăn nuôi gia súc, thuỷ hải sản và các loại chăn nuôi khác; sản xuất thuốc bảo quản và chống dịch bệnh.

---

[9] Tiêu đề của khoản 1 được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021.

4. Sản xuất nước sạch cung cấp cho tiêu dùng sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh.

5. Văn phòng quản lý sản xuất được đặt tại địa điểm cùng với khu vực sản xuất.

6. Các kho chứa hàng hoá (nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm) đang trong quá trình sản xuất và địa điểm đặt kho tại khu vực sản xuất.

7. Các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (cho phần sản lượng điện sử dụng cho các hoạt động công ích) trừ hoạt động chiếu sáng công cộng.

8. Bơm thoát nước, bơm tiêu úng tại thành phố, thị xã; trạm xử lý nước thải.

9. Các tổng đài, mạng truyền dẫn, trạm thu, phát sóng thuộc các công ty viễn thông, công ty truyền hình.

10. Các cơ sở dệt vải, chăn nuôi, ấp trứng gia cầm, xay xát, làm đá đông lạnh, hàn, xì, cưa xẻ, đồ mộc, sấy thóc (lúa), bảo quản nông sản sau thu hoạch.

11. Hoạt động in ấn thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; hoạt động in ấn của cơ quan báo chí, truyền thông, nhà xuất bản.

12. May gia công công nghiệp; thêu vi tính công nghiệp; giặt là công nghiệp; chế biến thực phẩm, nông sản, lâm sản, hải sản.

13. Sản xuất sản phẩm cơ khí; sản xuất các sản phẩm từ vàng bạc, đá quý; sản xuất phần mềm tin học, âm bản; sản xuất bao bì.

14. Chiếu xạ tiệt trùng.

15. Các hoạt động sản xuất khác.

Điều 8. Giá bán lẻ điện cho kinh doanh

Giá bán lẻ điện cho kinh doanh áp dụng đối với bên mua điện sử dụng điện cho mục đích kinh doanh, dịch vụ bao gồm:

1. Cửa hàng kinh doanh, dịch vụ, siêu thị, hội chợ, cơ sở kinh doanh thương mại bán buôn, bán lẻ vật tư, hàng hoá.

2. Cơ sở kinh doanh tiền tệ, chứng khoán, ngân hàng thương mại, quỹ tiết kiệm, công ty tài chính, công ty chứng khoán.

3. Cơ sở hoạt động kinh doanh của công ty truyền thông, viễn thông, truyền hình; cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thông tin, bưu chính (trừ dịch vụ bưu chính phổ cập, dịch vụ bưu chính bắt buộc là các dịch vụ công ích).

4. Công ty xổ số.

5. Tổ chức hoạt động bảo hiểm (trừ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế).

6. Cơ sở du lịch, cửa hàng nhiếp ảnh, vũ trường, nhà hàng karaoke, massage.

7. Cửa hàng ăn uống, giải khát, uốn tóc, giặt là, may đo, rửa xe.

8. Hoạt động quảng cáo của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

9. Cơ sở sửa chữa, tân trang ô tô, xe máy, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng và đồ dùng gia đình.

10. Khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách của các tổ chức, cá nhân; nhà cho thuê sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt do chủ nhà ký hợp đồng mua điện.

11. Phòng bán vé, trạm giao nhận hàng, phòng đợi (kể cả sảnh chờ) cửa hàng, quầy bán hàng hoá thuộc các sân bay, nhà ga, bến xe, bến cảng.

12. Trạm thu phí giao thông, điểm trông giữ xe.

13. Kho chứa hàng hoá trong quá trình lưu thông.

14. Văn phòng, trụ sở quản lý của các tập đoàn, tổng công ty và công ty, trừ những trường hợp sử dụng điện quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư này.

15. Văn phòng đại diện của các tổ chức kinh doanh, trung tâm dịch vụ khách hàng; công ty tư vấn; văn phòng công chứng.

16. Bộ phận kinh doanh của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, nhà văn hoá, thông tin, nhà thi đấu thể thao, viện bảo tàng, triển lãm.

17. Cơ sở kinh doanh thể dục thể thao.

18. Nhà hát, công ty biểu diễn; công ty chiếu bóng và rạp chiếu bóng; rạp xiếc.

Điều 9. Giá bán lẻ điện cho khối hành chính, sự nghiệp

1. Giá bán lẻ điện cho bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo và trường phổ thông được áp dụng cho các đối tượng sau:

a) Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông các cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên (phần dạy văn hoá phổ thông), trường dân tộc nội trú;

b) Các bệnh viện (bao gồm cả nhà tang lễ và đốt rác thải y tế nằm trong khuôn viên bệnh viện); cơ sở khám, chữa bệnh (bao gồm cả phần sản lượng điện sử dụng cho khám, chữa bệnh của trung tâm y tế dự phòng); cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, điều trị bệnh nghề nghiệp; cơ sở dưỡng lão, người tàn tật, trại trẻ mồ côi; cơ sở cai nghiện ma tuý, trung tâm giáo dục lao động xã hội; văn phòng tư vấn cai nghiện ma tuý, phòng chống HIV/AIDS, sinh đẻ có kế hoạch.

2. Giá bán lẻ điện cho chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được áp dụng đối với các đối tượng và các mục đích sau:

a) Chiếu sáng công cộng tại đường phố, công viên, ngõ xóm; đền, chùa, nhà thờ; di tích lịch sử đã được xếp hạng; nghĩa trang liệt sĩ; khu tập thể hoặc cầu thang nhà tập thể;

b) [10] Điện sử dụng phục vụ mục đích sinh hoạt chung, sinh hoạt cộng đồng cho cư dân tại các khu chung cư cao tầng, khu đô thị; bơm nước phục vụ sinh hoạt tại khu tập thể, cụm dân cư;

c) Điện sử dụng cho đèn tín hiệu giao thông;

d) Trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước; đơn vị sự nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; các hội nghề nghiệp;

đ) Trụ sở đại sứ quán, cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế (không phục vụ cho mục đích kinh doanh);

e) Trụ sở làm việc của các đơn vị báo chí, trung tâm huấn luyện thể thao; đài phát thanh, truyền hình, nhà văn hoá, thông tin, nhà thi đấu thể thao; viện bảo tàng, nhà lưu niệm, triển lãm, thư viện, nhà tang lễ, đài hoá thân;

g) Bộ phận được cấp kinh phí từ ngân sách Nhà nước của hội chợ, ban quản lý chợ, các nhà khách, nhà nghỉ thuộc các cơ quan hành chính. Bên mua điện phải cung cấp những văn bản pháp lý về sử dụng kinh phí ngân sách để làm cơ sở xác định tính giá theo tỷ lệ;

h) Các cơ quan bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội;

i) Các cơ quan nghiên cứu; các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề thuộc mọi loại hình công lập và tư thục, các cơ sở đào tạo khác (trừ các đối tượng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này);

k) Các tổ chức, cơ quan phát hành sách, báo trung ương và địa phương, cung cấp thiết bị trường học, thiết bị y tế, các tổ chức hoạt động từ thiện;

l) Các kho dự trữ được cấp có thẩm quyền quy định chức năng dự trữ quốc gia;

m) Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động phi lợi nhuận;

n) Trụ sở văn phòng các cơ quan làm nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thuỷ lợi;

o) Trụ sở ban quản lý dự án các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có thực hiện các hoạt động sản xuất hàng hoá thì áp dụng giá bán điện cho sản xuất; có thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ thì áp dụng giá bán điện kinh doanh cho phần sản lượng điện tương ứng với các hoạt động này.

Điều 10. Giá bán lẻ điện sinh hoạt

---

[10] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021.

1. Giá bán lẻ điện sinh hoạt áp dụng với hộ sử dụng điện cho nhu cầu sinh hoạt có hợp đồng mua bán điện trực tiếp với bên bán điện. Mỗi hộ sử dụng điện trong một tháng được áp dụng một định mức sử dụng điện sinh hoạt.

2. [11] Bên mua điện sinh hoạt có các hộ sử dụng điện dùng chung công tơ (xác định theo Thông tin về cư trú của hộ gia đình tại địa điểm sử dụng điện), áp dụng giá bán điện cho các hộ sử dụng theo nguyên tắc định mức chung của bên mua điện bằng định mức của từng bậc nhân với số hộ sử dụng điện dùng chung công tơ.

3. Bên mua điện sử dụng vào mục đích sinh hoạt cho nhà ở tập thể của cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang, nhà ở của người tu hành; ký túc xá học sinh, sinh viên áp dụng như sau:

a) [12] Trường hợp có thể kê khai được số người thì cứ 04 (bốn) người (xác định theo Thông tin về cư trú tại địa điểm sử dụng điện hoặc danh sách cán bộ, chiến sỹ có xác nhận của thủ trưởng đơn vị đối với lực lượng vũ trang) được tính là một hộ sử dụng điện để áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt;

b) Trường hợp không thể kê khai được số người thì áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt của bậc 3: từ 101 - 200 kWh cho toàn bộ sản lượng điện đo đếm được tại công tơ.

4. Bên mua điện sử dụng vào mục đích sinh hoạt của người thuê nhà để ở áp dụng như sau:

a) [13] Tại mỗi địa chỉ nhà cho thuê, bên bán điện chỉ ký một hợp đồng mua bán điện duy nhất. Chủ nhà cho thuê có trách nhiệm cung cấp Thông tin về cư trú tại địa điểm sử dụng điện của người thuê nhà;

b) Đối với trường hợp cho hộ gia đình thuê: Chủ nhà trực tiếp ký hợp đồng mua bán điện hoặc ủy quyền cho hộ gia đình thuê nhà ký hợp đồng mua bán

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

[12] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

[13] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

điện (có cam kết thanh toán tiền điện), mỗi hộ gia đình thuê nhà được tính một định mức;

c) [14] Trường hợp cho sinh viên và người lao động thuê nhà (bên thuê nhà không phải là một hộ gia đình):

- Đối với trường hợp bên thuê nhà có hợp đồng thuê nhà từ 12 tháng trở lên và có đăng ký tạm trú, thường trú (xác định theo Thông tin về cư trú tại địa điểm sử dụng điện) thì chủ nhà trực tiếp ký hợp đồng mua bán điện hoặc đại diện bên thuê nhà ký hợp đồng mua bán điện (có cam kết thanh toán tiền điện của chủ nhà);

- Trường hợp thời hạn cho thuê nhà dưới 12 tháng và chủ nhà không thực hiện kê khai được đầy đủ số người sử dụng điện thì áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt của bậc 3: Từ 101 - 200 kWh cho toàn bộ sản lượng điện đo đếm được tại công tơ.

Trường hợp chủ nhà kê khai được đầy đủ số người sử dụng điện thì Bên bán điện có trách nhiệm cấp định mức cho chủ nhà căn cứ vào Thông tin về cư trú tại địa điểm sử dụng điện; cứ 04 (bốn) người được tính là một hộ sử dụng điện để tính số định mức áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt, cụ thể: 01 (một) người được tính là 1/4 định mức, 02 (hai) người được tính là 1/2 định mức, 03 (ba) người được tính là 3/4 định mức, 04 (bốn) người được tính là 1 định mức. Khi có thay đổi về số người thuê nhà, chủ nhà cho thuê có trách nhiệm thông báo cho bên bán điện để điều chỉnh định mức tính toán tiền điện.

Bên bán điện được phép yêu cầu bên mua điện cung cấp Thông tin về cư trú tại địa điểm sử dụng điện để làm căn cứ xác định số người tính số định mức khi tính toán hóa đơn tiền điện.

5. Các khách hàng mua điện qua máy biến áp riêng sử dụng vào mục đích sinh hoạt thì tính giá điện theo giá bán lẻ điện sinh hoạt.

6. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến bên bán điện phải dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số công tơ thì lượng điện sinh hoạt của từng bậc được điều chỉnh theo số ngày thực tế của kỳ ghi chỉ số công tơ đó.

7. Trường hợp ngày ghi chỉ số công tơ không trùng với ngày điều chỉnh giá điện thì việc tính tiền điện cho giá điện sinh hoạt sử dụng phương pháp nội suy với các thông số sau:

---

[14] Điểm này đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018; nay được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

a) Lượng điện thực tế khách hàng sử dụng trong kỳ ghi chỉ số;

b) Số ngày sử dụng điện thực tế (số ngày giữa hai kỳ ghi chỉ số, số ngày áp dụng giá cũ, số ngày áp dụng giá mới);

c) Mức sử dụng điện của từng bậc tính theo số ngày thực tế giữa hai kỳ ghi chỉ số.

8. Giá bán lẻ điện sinh hoạt dùng công tơ thẻ trả trước được áp dụng đối với nhóm khách hàng mua điện tạm thời và mua điện ngắn hạn sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt. Khi điều kiện kỹ thuật và pháp lý cho phép, đơn vị bán lẻ điện có trách nhiệm lắp đặt công tơ sử dụng thẻ trả tiền trước tại các địa điểm khách hàng có nhu cầu mua điện sử dụng vào mục đích sinh hoạt.

9.[15] Trường hợp bên mua điện thực hiện kê khai không đúng số người sử dụng điện để cấp định mức sử dụng điện sinh hoạt nhiều hơn thực tế thì bên bán điện có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

10. [16] Trường hợp cấp điện mới cho mục đích sinh hoạt, thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện, chấm dứt hợp đồng mua bán điện, thay đổi ngày ghi chỉ số công tơ ấn định trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng sử dụng điện thì mức sử dụng điện của từng bậc được điều chỉnh theo số ngày thực tế của kỳ ghi chỉ số công tơ đó.

Điều 11. Giá bán điện tại khu công nghiệp mua điện từ hệ thống điện quốc gia đồng thời với các nguồn điện khác[17]

Đơn vị bán lẻ điện tại các khu công nghiệp kết hợp mua điện từ hệ thống điện quốc gia đồng thời với các nguồn điện khác (nhà máy phát điện tại chỗ; mua điện từ các nguồn điện tại chỗ như điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) để bán lẻ điện cho các khách hàng sử dụng điện trong khu công nghiệp có trách nhiệm xây dựng đề án giá bán điện cho các đối tượng khách hàng sử dụng điện

---

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018.

[16] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

[17] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021.

trong khu vực gửi Sở Công Thương thẩm tra, sau đó trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố phê duyệt hằng năm.

Chương III
GIÁ BÁN BUÔN ĐIỆN

Điều 12. Giá bán buôn điện nông thôn

1.[18] Giá bán buôn điện nông thôn được áp dụng đối với các đơn vị bán lẻ điện nông thôn (trừ các đối tượng quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 16/2014/TT-BCT và Khoản 4 Điều 1 Thông tư này) cho sản lượng điện mua buôn đo đếm được tại công tơ tổng đặt tại trạm biến áp, không phân biệt trạm biến áp của bên mua điện hay bên bán điện.

2. Giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn

a) Giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn được áp dụng đối với sản lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt của các hộ sử dụng điện tại xã, thôn, xóm do đơn vị bán lẻ điện nông thôn mua điện tại công tơ tổng đặt tại trạm biến áp, không phân biệt trạm biến áp của bên mua điện hay bên bán điện, không phân biệt cấp điện áp;

b) Sản lượng điện tổng áp dụng giá bán buôn điện sinh hoạt cho từng bậc tại công tơ tổng để tính tiền điện bằng định mức của từng bậc nhân với số hộ mua điện sau công tơ tổng đó;

c) [19] Số hộ sử dụng điện sinh hoạt nông thôn sau công tơ tổng là số hộ thường trú và tạm trú được xác định theo Thông tin về cư trú tại địa điểm sử dụng điện thuộc phạm vi cung cấp điện của công tơ tổng do đơn vị bán lẻ điện cung cấp và định mức trong hợp đồng mua bán điện ký với đơn vị bán lẻ điện. Bên bán buôn điện được phép căn cứ Thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định số hộ sử dụng điện thực tế sau công tơ tổng;

d) Việc tính toán tiền điện bán buôn sinh hoạt nông thôn trong tháng chuyển đổi giá điện như sau: sản lượng điện của từng bậc giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn áp dụng các mức giá cũ và mới được tính theo sản lượng định mức ngày nhân với số ngày thực tế trước và sau khi điều chỉnh giá của tháng chuyển đổi. Sản lượng định mức ngày của từng bậc bằng sản lượng của từng bậc chia cho số ngày thực tế trong tháng tính toán.

---

[18] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018.

[19] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

3. Giá bán buôn điện sử dụng cho các mục đích khác mua điện sau công tơ tổng bán buôn điện nông thôn được áp dụng đối với lượng điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt.

4. Sản lượng điện áp dụng giá bán buôn mục đích khác tại công tơ tổng được xác định bằng tổng sản lượng điện thương phẩm sử dụng cho các mục đích khác đo được tại các công tơ bán lẻ nhân với hệ số 1,1.

5. Sản lượng điện áp dụng giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn được tính bằng tổng sản lượng điện bán buôn tại công tơ tổng trừ đi sản lượng điện áp dụng giá bán buôn mục đích khác.

6. Trong thời hạn không quá 3 ngày kể từ ngày ghi chỉ số tại công tơ tổng của một kỳ thanh toán, đơn vị bán lẻ điện nông thôn phải cung cấp cho bên bán buôn điện:

a) Bảng kê sản lượng điện thương phẩm sử dụng cho mục đích khác;

b) Số hộ mua lẻ điện sinh hoạt sau công tơ tổng có xác nhận của đại diện hợp pháp của đơn vị bán lẻ điện;

c) [20] Thông tin về cư trú của số hộ tăng thêm hoặc giảm đi (nếu có).

Quá thời hạn trên, nếu đơn vị bán lẻ điện không cung cấp đủ các văn bản nêu trên, bên bán buôn điện được phép áp giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn của bậc 4: từ 201 - 300 kWh cho toàn bộ sản lượng điện tại công tơ tổng. Bên bán buôn điện được phép căn cứ Thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để kiểm tra và xác định số hộ sử dụng điện thực tế sau công tơ tổng.

7. Trường hợp các trạm biến áp của nông trường, lâm trường ở khu vực nông thôn cấp điện cho mục đích sinh hoạt và các mục đích khác thì áp dụng giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn cho toàn bộ sản lượng điện đo đếm được tại công tơ tổng.

Điều 13. Giá bán buôn điện khu tập thể, cụm dân cư

1. Giá bán buôn điện cho khu tập thể, cụm dân cư được áp dụng cho các đối tượng sau:

a) Đơn vị bán lẻ điện tại các khu tập thể của cơ quan, công ty, xí nghiệp, nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường (không phụ thuộc vào vị trí địa lý của khu tập thể thuộc khu vực nông thôn hay khu vực đô thị);

b) Đơn vị bán lẻ điện tại khu vực nông thôn mua điện qua công tơ tổng đặt tại đầu nhánh rẽ đường dây hạ áp;

---

[20] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

c) Đơn vị bán lẻ điện tại các cụm dân cư khu vực nội thị thuộc thành phố, thị trấn, thị xã.

2. Giá bán buôn điện sinh hoạt khu tập thể, cụm dân cư

a) Sản lượng điện tổng áp dụng giá bán buôn điện sinh hoạt cho từng bậc tại công tơ tổng để tính tiền điện bằng định mức của từng bậc nhân với số hộ sử dụng điện mua điện sau công tơ tổng đó;

b) [21] Số hộ sử dụng điện sinh hoạt khu tập thể, cụm dân cư sau công tơ tổng là số hộ thường trú và tạm trú được xác định theo Thông tin về cư trú tại địa điểm sử dụng điện thuộc phạm vi cung cấp điện của công tơ tổng do đơn vị bán lẻ điện cung cấp và định mức trong hợp đồng mua bán điện ký với đơn vị bán lẻ điện. Bên bán buôn điện được phép căn cứ Thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định số hộ sử dụng điện thực tế sau công tơ tổng;

c) Việc tính toán tiền điện bán buôn sinh hoạt khu tập thể, cụm dân cư trong tháng chuyển đổi giá điện như sau: sản lượng điện của từng bậc giá bán buôn điện sinh hoạt khu tập thể, cụm dân cư áp dụng các mức giá cũ và mới được tính theo sản lượng định mức ngày nhân với số ngày thực tế trước và sau khi điều chỉnh giá của tháng chuyển đổi. Sản lượng định mức ngày của từng bậc bằng sản lượng của từng bậc chia cho số ngày thực tế trong tháng tính toán.

3. Giá bán buôn điện sử dụng cho các mục đích khác mua điện sau công tơ tổng bán buôn điện khu tập thể, cụm dân cư được áp dụng đối với lượng điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt.

4. Sản lượng điện áp dụng giá bán buôn mục đích khác tại công tơ tổng được xác định bằng tổng sản lượng điện thương phẩm sử dụng cho các mục đích khác đo được tại các công tơ bán lẻ nhân với hệ số 1,1.

5. Sản lượng điện áp dụng giá bán buôn điện sinh hoạt khu tập thể, cụm dân cư được tính bằng tổng sản lượng điện bán buôn tại công tơ tổng trừ đi sản lượng điện áp dụng giá bán buôn mục đích khác.

6. Trong thời hạn không quá 3 ngày kể từ ngày ghi chỉ số tại công tơ tổng của một kỳ thanh toán, đơn vị bán lẻ điện khu tập thể, cụm dân cư phải cung cấp cho bên bán buôn điện:

a) Bảng kê sản lượng điện thương phẩm sử dụng cho mục đích khác;

b) Số hộ mua lẻ điện sinh hoạt sau công tơ tổng có xác nhận của đại diện hợp pháp của đơn vị bán lẻ điện;

---

[21] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

c) [22] Thông tin về cư trú của số hộ tăng thêm hoặc giảm đi (nếu có).

Quá thời hạn trên, nếu đơn vị bán lẻ điện không cung cấp đủ các văn bản nêu trên, bên bán buôn điện được phép áp giá bán buôn điện sinh hoạt khu tập thể, cụm dân cư của bậc 4: từ 201 - 300 kWh cho toàn bộ sản lượng điện tại công tơ tổng. Bên bán buôn điện được phép căn cứ Thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để kiểm tra và xác định số hộ sử dụng điện thực tế sau công tơ tổng;

7. Tại những địa bàn có quyết định của cấp có thẩm quyền chuyển từ khu vực nông thôn sang khu vực nội thị thuộc thị trấn, thị xã hoặc thành phố, hoặc có quyết định chuyển từ khu vực thị trấn sang khu vực thành phố, thị xã, đơn vị bán lẻ điện tại các địa bàn trên được tạm thời tiếp tục áp dụng biểu giá điện quy định cho khu vực cũ trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày có quyết định điều chỉnh địa giới hành chính. Sau thời hạn trên đơn vị bán lẻ điện phải chuyển sang áp dụng giá bán điện quy định cho khu vực mới.

Điều 14. Giá bán buôn điện tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt

1. Giá bán buôn điện tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt được áp dụng cho đơn vị bán lẻ điện tại nhà chung cư; khu đô thị; trung tâm thương mại; tòa nhà văn phòng cho thuê (không phụ thuộc vào vị trí địa lý của tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt thuộc khu vực nông thôn hay khu vực đô thị).

2. Giá bán buôn điện sinh hoạt cho tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt

a) Giá bán buôn điện sinh hoạt tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt được áp dụng đối với sản lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt của các hộ sử dụng điện do đơn vị bán lẻ điện mua điện tại công tơ tổng đặt tại trạm biến áp, không phân biệt cấp điện áp;

b) Sản lượng điện tổng cho từng bậc tại công tơ tổng để tính tiền điện bằng định mức của từng bậc nhân với số hộ sử dụng điện cho sinh hoạt sau công tơ tổng đó;

c) [23] Số hộ sử dụng điện sinh hoạt tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt sau công tơ tổng là số hộ thường trú và tạm trú được xác định theo Thông tin về cư trú tại địa điểm sử dụng điện thuộc phạm vi cung cấp điện của công tơ tổng do đơn vị bán lẻ điện cung cấp và định mức trong hợp đồng mua bán điện ký với

---

[22] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

[23] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

đơn vị bán lẻ điện. Bên bán buôn điện được phép căn cứ Thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định số hộ sử dụng điện thực tế sau công tơ tổng;

d) Việc tính toán tiền điện bán buôn sinh hoạt tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt trong tháng chuyển đổi giá điện như sau: sản lượng điện của từng bậc giá bán buôn điện sinh hoạt áp dụng các mức giá cũ và mới được tính theo sản lượng định mức ngày nhân với số ngày thực tế trước và sau khi điều chỉnh giá của tháng chuyển đổi. Sản lượng định mức ngày của từng bậc bằng sản lượng của từng bậc chia cho số ngày thực tế trong tháng tính toán.

3. Giá bán buôn điện mục đích khác cho tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt được áp dụng đối với lượng điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt, không phân biệt theo cấp điện áp và được áp dụng theo hình thức ba giá quy định tại Điều 5 Thông tư này.

4. Việc tính toán sản lượng điện tại công tơ tổng được thực hiện như sau:

a) Hai bên mua, bán điện căn cứ theo tình hình sử dụng điện thực tế để thỏa thuận tỷ lệ sản lượng điện áp dụng giá bán buôn điện sinh hoạt và sản lượng điện áp dụng giá bán buôn điện mục đích khác để làm cơ sở áp dụng giá điện tại công tơ tổng;

b) Trường hợp tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt có lắp đặt công tơ đo đếm riêng cho mục đích sinh hoạt và các mục đích khác sau công tơ tổng thì việc tính toán sản lượng điện cho mục đích sinh hoạt và mục đích khác căn cứ theo tỷ lệ sản lượng được xác định theo các công tơ đo đếm cho các mục đích sau công tơ tổng;

c) Trường hợp tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt không có mục đích sinh hoạt thì áp dụng giá bán buôn điện mục đích khác cho toàn bộ sản lượng điện đo đếm tại công tơ tổng.

5. Trong thời hạn không quá 3 ngày kể từ ngày ghi chỉ số công tơ tổng, đơn vị bán lẻ điện phải cung cấp cho bên bán buôn điện:

a) Bảng kê sản lượng điện thương phẩm sử dụng cho các mục đích khác;

b) Số hộ mua lẻ điện sinh hoạt sau công tơ tổng có xác nhận của đại diện hợp pháp của đơn vị bán lẻ điện;

c) [24] Thông tin về cư trú của số hộ tăng thêm hoặc giảm đi (nếu có).

Quá thời hạn trên, nếu đơn vị bán lẻ điện không cung cấp đủ các văn bản nêu trên, bên bán buôn điện được phép áp giá bán buôn điện cho các mục đích khác cho toàn bộ sản lượng điện tại công tơ tổng. Bên bán buôn điện được phép

---

[24] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

căn cứ Thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để kiểm tra và xác định số hộ sử dụng điện thực tế sau công tơ tổng;

6. [25] Trường hợp tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt có khách hàng sử dụng điện cho bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông, chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thì giá bán buôn điện tại công tơ tổng cho phần sản lượng điện sử dụng của các đối tượng này không thuộc hình thức ba giá và được quy định như sau:

a) Áp dụng giá bán điện cho bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông, chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp quy định tại Điều 9 Thông tư này;

b) Đơn vị bán lẻ điện có trách nhiệm phối hợp với bên bán buôn điện lắp đặt công tơ ba giá để theo dõi sản lượng điện thực tế sử dụng và thực hiện ghi chỉ số công tơ cho các khách hàng cùng ngày với việc ghi chỉ số tại công tơ tổng để đảm bảo tính toán chính xác sản lượng điện cho các mục đích sử dụng điện tại công tơ tổng.

Điều 15. Giá bán buôn điện cho khu công nghiệp, cụm công nghiệp[26]

1. Giá bán buôn điện tại thanh cái 110 kV của trạm biến áp 110 kV khu công nghiệp, cụm công nghiệp áp dụng đối với trường hợp đơn vị bán lẻ điện mua buôn điện tại thanh cái 110 kV của khu công nghiệp, cụm công nghiệp (trạm 110 kV do bên mua đầu tư) để bán lẻ cho khách hàng sử dụng điện trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Giá bán buôn điện áp dụng cho mỗi trạm biến áp 110 kV được xác định bằng cách tham chiếu theo tổng dung lượng của máy biến áp 110 kV lắp đặt tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

2. Giá bán buôn điện tại thanh cái trung áp của trạm biến áp 110 kV hoặc tại điểm rẽ nhánh của đường dây trung áp vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp áp dụng đối với trường hợp đơn vị bán lẻ điện mua buôn điện để bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở phía trung áp.

3. Giá bán buôn điện do Công ty điện lực bán cho đơn vị bán lẻ điện ở phía trung áp của các trạm biến áp hạ áp bằng mức giá bán lẻ điện áp dụng cho các ngành sản xuất tại cấp trung áp tương ứng.

---

[25] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021.

[26] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021.

4. Giá bán buôn điện tại thanh cái 110 kV trạm biến áp 220 kV hoặc tại điểm rẽ nhánh của đường dây 110 kV vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp áp dụng bằng mức giá bán lẻ điện tại cấp 110 kV trở lên đối với trường hợp đơn vị bán lẻ điện mua buôn điện để bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại cấp điện áp 110 kV.

Điều 15a. Giá bán buôn điện cho chợ [27]

1. Giá bán buôn điện cho chợ được áp dụng cho đơn vị bán lẻ điện tại chợ theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ (không phụ thuộc vào vị trí địa lý của chợ).

2. Đơn vị bán lẻ điện tại chợ không thuộc đối tượng áp dụng giá bán điện theo cấp điện áp quy định tại Điều 4 Thông tư số 16/2014/TT-BCT và đối tượng áp dụng giá bán điện theo thời gian sử dụng trong ngày quy định tại Điều 5 Thông tư số 16/2014/TT-BCT.

3. Giá bán buôn điện cho chợ áp dụng giá bán lẻ điện cho mục đích kinh doanh giờ bình thường tại cấp điện áp dưới 6 kV theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 16/2014/TT-BCT trừ lùi 10,6%.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[28]

---

[27] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 25/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018.

[28] Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

"***Điều 2. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 10 năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các đơn vị có liên quan phản ánh về Cục Điều tiết điện lực để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Công Thương để giải quyết./."

Điều 2 Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2014/TT-BCT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021 quy định như sau:

"***Điều 2. Hiệu lực thi hành***

*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **25** tháng **9** năm **2021**.*

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, vấn đề mới phát sinh, yêu cầu các đơn vị có liên quan phản ánh về Cục Điều tiết điện lực để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Công Thương giải quyết./."

Điều 3 Thông tư số 09/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. [29] Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm:

a) Trình Lãnh đạo Bộ Công Thương ban hành Quyết định quy định về giá bán điện áp dụng cho các nhóm khách hàng sử dụng điện và cho các đơn vị bán lẻ điện căn cứ quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và các văn bản quy định về giá điện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Trình Lãnh đạo Bộ Công Thương ban hành văn bản hướng dẫn để giải quyết các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện giá bán điện.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, giám sát các đơn vị bán lẻ điện thuộc địa bàn quản lý trong việc thực hiện giá bán điện theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp phát hiện các đơn vị bán lẻ điện không đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 6 Thông tư này, Sở Công Thương báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định để bàn giao lưới điện thuộc phạm vi quản lý của đơn vị này cho Tổng công ty điện lực hoặc các Công ty điện lực trực thuộc để bán điện trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện.

b) Kiểm tra và giám sát việc thực hiện tính định mức hộ sử dụng và giá bán lẻ điện tại các địa điểm cho thuê nhà để ở nhằm đảm bảo cho người thuê nhà được áp dụng đúng các quy định về giá bán lẻ điện sinh hoạt quy định tại Thông tư này.

3. [30] Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Cục Điều tiết điện lực cơ cấu tỷ trọng sản lượng điện, giá bán lẻ điện cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện hằng năm và dự kiến cơ cấu tỷ trọng sản lượng điện của

---

trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

2. Bãi bỏ khoản 10 Điều 1 Thông tư số 06/2021/TT-BCT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh về Cục Điều tiết điện lực để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Công Thương giải quyết./."

[29] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021.

[30] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2021.

nhóm khách hàng sử dụng điện năm kế tiếp làm cơ sở xác định giá bán lẻ điện cho nhóm khách hàng sử dụng điện và giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện khi thực hiện điều chỉnh giá bán điện.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014, thay thế Thông tư số 19/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các đơn vị có liên quan phản ánh trực tiếp về Cục Điều tiết điện lực để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Công Thương để giải quyết./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 13 /VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đặng Hoàng An

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý văn bản);
- Lưu: VT, ĐTĐL.